

GIỚI THIỆU

Trên đường tìm học khoa học Tử vi, và trong khi phụ trách bài vở trên tờ KHOA HỌC HUYỀN BÍ, chúng tôi được gặp cụ Thiên Lương, một người mà chúng tôi được nghe danh từ lâu và được biết một vài cách giải đoán Tử vi trong khi chưa được diện kiến.

Câu chuyện “biết vài cách giải đoán của cụ Thiên Lương mà chưa diện kiến” đó xảy ra từ trước năm 1963. Một vài người bạn cho biết có một vị Tử vi đặc biệt lắm, tòng sự tại Bộ Tài Chánh, Tổng Nha Ngân Sách và Ngoại Viện, bảo rằng người nào có cung Mạng đóng tại một cung đối diện với một cung thuộc tam hợp tuổi, thì khó đạt được ý muốn, hoặc có đạt được thì cũng phải tranh đấu chật vật, còn người nào mà cung Mạng đóng đúng vào một cung thuộc tam hợp tuổi, thì đời dễ dàng như sở nguyện.

Tôi nghe qua rồi cũng bỏ qua, vì bản tính của tôi là ít tin cái gì không được giải thích kỹ theo khoa học, còn như mọi cách trong Tử vi mà cứ khẳng định là có một ý nghĩa nào đó thì sách cổ sách kim đều đã có. Hồi năm 1956 tôi có soạn một bộ Tử Điển Tử Vi dày cả ngàn trang đánh máy, tham bác sách kim cổ mà soạn thành. Nhưng soạn xong mà vẫn chẳng hiểu được gì, chẳng làm sao đoán được lá số, cho nên tôi nghĩ rằng phải có những bí quyết để đoán lá số Tử vi mà mình chưa biết, còn những cách kia, tức là những thể giao nhau giữa các chính tinh, trung tinh, hung tinh, chỉ là những trường hợp nêu lên dựa vào đó và bù trừ nhau mà đoán chứ không thể cứ gặp một cách nào là khẳng định ngay một lối giải đoán được.

Tử vi quả là khó, nếu không có những chìa khóa mở ra, hay nói khác đi, nếu không chịu khó bóp đầu suy nghĩ để biết được cái chìa khóa ấy. Thí dụ như sách ghi: Mệnh có Thiên Đồng hãm (ghi cung hãm) là xấu, nhưng người tuổi Ất thì không sao. Nhưng tại sao người tuổi Ất lại không bị xấu? Xét ra, phải có một sự suy nghĩ và tìm tòi vì lý do của mỗi cách ghi trong Tử vi để hiểu ra mới được và khi hiểu ra rồi, thì sẽ thấy một nguyên tắc có thể mở rộng ra những trường hợp khác.

Tôi cứ lòng dòng tìm hiểu Tử vi, không mấy kết quả, cho tới năm 1972 phụ trách tờ KHOA HỌC HUYỀN BÍ và được tiếp xúc nhiều với cụ Hoàng Hạc, cụ Thiên Lương và mấy vị cao thủ Tử vi khác. Trong nhiều buổi được tiếp xúc với cụ Thiên Lương, tôi đã được cụ chỉ điểm cho về những bí quyết và kinh nghiệm để nắm cho vững là biết ngay được các nét chính yếu trên lá số và quyết đoán ngay. Tôi đã từng viết bí mật những bí quyết và kinh nghiệm ấy trên tờ KHOA HỌC HUYỀN BÍ và nhân đó, bạn đọc đã hỏi rất nhiều về cụ Thiên Lương, cụ Thiên Lương phải mất một thời kỳ bận rộn để tiếp những bạn đọc hâm mộ, sau khi các bạn đó đem những kinh nghiệm và bí quyết của cụ áp dụng vào các lá số sẵn có và thấy rất đúng, các lá số rạng sáng ra, đoán được dễ dàng.

Về phần chúng tôi, đem áp dụng cái bí quyết và kinh nghiệm đó vào các lá số, cũng thấy “cửa thành” mở toang cho mình tiến vào mà thấy rõ số mệnh của các đương sự. Có những lúc chúng tôi rất lý thú, khi xem các lối giải đoán vận mạng của những vị Tử vi làm sẵn, rồi thấy những lối giải đoán trật lất, sai với những cuộc lên xuống của những nhân vật (có vị đương buồn bán thường, nhảy vọt lên chức nghị sĩ rồi Tổng trưởng, có vị đương ở ngôi cao, bỗng bị cách chức về nhà coi gà cho vợ, mà các lá số kia đoán sai), thế nhưng đem áp dụng các bí quyết của cụ Thiên Lương (như khi đại hạn đến cung tam hợp tuổi thì phải bốc, hoặc Mạng bị Tuần, đến đại hạn có Triệt là số mạng cõi gỡ ra cũng bốc; và hết đại hạn bốc, lại sụt xuống ngay), tôi mới

thấy cái sáng khoái của người vừa chấp chững bước vào tử vi đã nắm được những bí quyết để biết được cái hay dở, cái lên cái xuống của từng người khi mình rõ được ngày giờ sinh của họ, và từ đó rút tỉa những bài học cần thiết cho cuộc đời.

Chúng tôi thấy những vị cao thủ Tử vi mà thổ lộ hết những bí quyết và kinh nghiệm, thật là hiếm có; thổ lộ cho một người hay một đệ tử biết đã là quý; thổ lộ hết bí quyết cho muôn ngàn người biết hay trên một tờ báo lại càng quý hơn. Cụ Thiên Lương lại có một cái đặc biệt hơn nữa: cụ không có dành viết bài trên báo để lấy nhuận bút, cụ giải thích vô vị lợi một cách khoa học và để chúng tôi tự do hỏi để cụ trả lời, và cuối cùng, cụ để chúng tôi viết bài trình bày các bí quyết và kinh nghiệm đó. Chúng tôi cũng được biết cụ đã từ chối cả mấy trăm ngàn, cả triệu đồng để khỏi phải giảng giải các bí quyết đó cho những người mà cụ không thích; nhưng khi cụ thích, cụ sẵn sàng giảng giải cả buổi, chấp nhận mọi sự nhọc mệt, không quản ngại. Tâm trạng của cụ là tâm trạng của một người không mặc cảm, thanh thản và tin ở những bí quyết mình trình bày ra để tùy ở mọi người khác áp dụng và chiêm nghiệm, và cụ cũng trọng kinh nghiệm hay bí quyết của các vị khác. Cụ hoàn toàn gạt bỏ các lợi lộc ra ngoài cuộc sống. Đã về hưu, cụ còn cái thú đọc sách và dự khán con cái trưởng thành. Cụ đã tính ngày tháng năm sẽ về hầu cha mẹ, tổ tiên, và hoàn toàn vui vẻ, yêu đời bình thản.

Chúng tôi cầu xin cụ tập trung các bí quyết, kinh nghiệm để viết thành một cuốn sách; ngoài những bí quyết, kinh nghiệm cụ trao cho KHOA HỌC HUYỀN BÍ đều đều, cụ còn những điểm lạ nào thì xin đưa hết vào vào cuốn sách đó, để KHOA HỌC HUYỀN BÍ lại xin nối tiếp bằng những lá số áp dụng các bí quyết ấy để chứng thực là đúng. Ngoài ra, cũng có một số đồng bạn đọc yêu cầu cụ như vậy.

Cho nên chúng tôi rất sung sướng được thấy cuốn sách thành hình và ra đời. Một khoa cổ truyền của Đông Phương nhờ đây mà khỏi bị mai một, lại còn được củng cố hơn, đáng tin hơn.

Viết mấy hàng giới thiệu cuốn sách, chúng tôi chỉ còn có lời một kẻ hậu sinh để tỏ lòng biết ơn cụ Thiên Lương.

TRẦN VIỆT SƠN

PHẦN DẪN NHẬP (TỬ - VI NGHIỆM - LÝ)

Từ nhiều lâu nay, người đời vẫn nhìn khoa đẩu số tử vi trong một thành kiến hạn hẹp: môn bói toán của giới huyền cơ đạo thuật. Nhân quan thế tục là đòi phải có chứng minh cụ thể, là đòi cho thấy rõ những tương quan hiệu quả. Lại nữa, tinh thần duy vật lý Tây phương đã uốn nắn đầu óc con người thời nay, là phải khoa học hóa mọi vấn đề, thế nhưng khoa học hóa một hiện tượng vật lý, thì chỉ cho biết cái tất yếu tương đối, nhưng vẫn còn vấp váp để tìm ra chân lý đích thực. Cái gì điều hướng nét dịch động của vũ trụ? Khoa học gia nguyên tử sẽ kiêu hãnh mỉm cười:

- CON NGƯỜI

Câu trả lời thật là đầy đủ, bởi thế giới vật chất chỉ nhận biết được, khi có sự hiện hữu của nhân loại, và trí khôn nhân loại đã giúp công không nhỏ vào việc này.

Nhưng, thưa chưa cần thiết bằng câu trả lời:

- SỐ MỆNH CON NGƯỜI

Số mệnh con người giải thích bậc trên cái dịch động của vũ trụ, và phản hồi lại: lẽ biến dịch của đất trời ảnh hưởng tới mọi sinh hoạt của cá nhân. Đây là tương quan hai chiều của một khoa học biện chứng, lấy nền tảng mọi hoạt động của nhân văn. Vấn đề sẽ được nói giản dị hơn: số mệnh con người, chỉ là một chuỗi dài những biến cố của cá nhân, tạm gọi là sử mệnh. Việc tìm biết sử mệnh chính là công trình thuộc lý đoán.

Trong muôn ngành lý đoán số mệnh, có thể có CHÂN có GIẢ, có thể dựa trên dữ kiện cố định hay dữ kiện tình cờ, có thể trực giác có thể luận giải... Khoa TỬ VI được coi là ngành học có nhiều nét tân kỳ nhất, bởi đặc tính sau:

- Dựa vào các dữ kiện thời gian cá biệt tương đối của mỗi người (năm, tháng, ngày, giờ sinh âm lịch) .
- Không làm mất ý nghĩa của tự do cá nhân trong dòng sử mệnh mỗi người.
- Tổ cáo những bản năng tiềm ẩn của mỗi người (khoa tính tình học).
- Nhận biết vòng thịnh suy của đời người, để tập luyện một nhân sinh quan dẫn thân tại thế.

Lẽ huyền vi của vũ trụ là cái thao thức lớn nhất, mà các nhà khoa học lẫn thần học đều cố gắng giải thích. Vấn đề lớn này thuộc phạm vi triết học, quyển sách nhỏ này xin miễn bàn tới. Nhưng ở đây chỉ trình bày 4 đặc tính nêu trên, để gọi là thiện chí của người ham mê thâm cứu tử vi, muốn đóng góp trong muôn một:

1. ĐỘ XÁC SUẤT CỦA MỖI NGƯỜI

Muốn lập thành bản số Tử vi cho mỗi người, phải hội đủ bốn yếu tố thời gian (tính theo âm lịch): năm, tháng, ngày và giờ sinh. Đã đành rằng nhân loại ngày nay có trên 3 tỷ người, và có thể cùng trong giờ sinh của ngày, hằng trăm vạn trẻ em nam, nữ ra đời... nhưng ít ra, ta phải công nhận mỗi bản số trên nửa triệu bản số (tính tròn một chu kỳ sinh hóa đông phương là 60 năm) đã khác biệt nhau khá nhiều chi tiết của vị thế tinh đẩu, do đó, độ xác suất của bản số cá nhân đã bàng bạc vạch ra một dòng sử mệnh, nên hiểu như một khuynh hướng hay dự án được cao xanh đề nghị cho mỗi người.

2. TỰ DO CÁ - NHÂN TRONG DÒNG SỬ - MỆNH

Nguyễn Du tiên bói thâm thúy bộc lộ câu: “có trời xanh mà cũng có ta”, thật rất ý nghĩa và minh xác rất nhiều khoa học cho khoa tử vi. Bấy lâu nay, người đời thường có thành kiến sai lầm về bói toán:

- Một là, cho rằng: nếu người có số mệnh thật, thì quả đáng buồn cho những ai bị an bài xấu, chỉ có kẻ có số mệnh tốt mới nên sống hay sao?
- Hai là, coi bói để mong được chỉ vẽ những đạo thuật hoán cải phần số của mình, để mong định mệnh mình thăng tiến hơn?

Tử vi lý học không có những xảo thuật, và cũng không chủ trương nhận chịu toàn bộ những an bài của định mệnh. Mười hai cung trên bản đồ số tử vi, chỉ là 12 dự án được vạch ra, hay chính xác hơn, là chỉ có mười một dự thảo của thiên định, còn một cung (phước Đức) đóng vai trò bổ khuyết, đỉnh chính cho các dự thảo nói trên (đức năng thắng số). Trong nhân quan của thế tục, đời sống là một trường tranh đấu sinh tồn, và tự do là quyền năng của cá nhân, đời ta là do tay ta xây dựng. Khoa tử vi có đồng quan điểm này, nhưng tích cực hơn ở chỗ: giúp người biết số nhìn thấy trước, để tùy nghi quyết định (xin xem kỹ phần luận về vòng Thái Tuế và vòng an thân). Ý thức tự giác cao độ phải thành khẩn mà nói rằng: nên có đối với người hâm mộ tử vi, bằng không thì lại dẫm lên vết xe trái lệch của giới đạo thuật huyền cơ.

3. KHOA TÍNH TÌNH HỌC TIỀM ẨN.

Cái sinh hoạt vương đạo của người xưa là biết số để dùng người, biết số để tri kỷ hoặc xa lánh kẻ gian ngoan, biết số để biện minh cho những oan ức của đáng anh hùng, người cái thế (xin xem bản số danh nhân Điều Thuyền, Tào Tháo ...). Bởi tử vi giúp người thâm cứu lý giải rõ rệt những bản năng tiềm ẩn trong mỗi bản số. Nhân tính bốn ác hay bốn thiện được loan báo đầy đủ như một lời cảnh giác, để chính đương sự tự thắng mình trước (xin xem vòng Thái tuế với vòng an mệnh và bộ sao Thiên Không, Hồng, Đào). Bản năng tiềm ẩn cộng với nền giáo dục học đường và xã hội sẽ tạo ra nhân tính mỗi người trong đời sống. Và do đó, khoa tử vi càng nên được phổ cập trong sinh hoạt truyền thống đại chúng.

4. NHÂN SINH QUAN DÂN THÂN

Đời người có sinh và có tử, khi thịnh rồi lúc suy, người biết số không phải chỉ cầu thái độ vụ lợi.

Thói thường cho rằng: tin lý số là sống tiêu cực, là thoái hóa dị đoan. Thực ra nghiên cứu đầu số là thái độ khôn ngoan của người biết sống. Mỗi cuộc đời có một sứ mệnh, vậy thì tri mệnh là để kịp thời và bình tĩnh đón nhận những biến cố của đời sống, để thông dong suy ngẫm lẽ cùng thông biến dịch kiếp nhân sinh. Cái tinh hoa của người thâm cứu tử vi là tập xem thường mọi sự, biết ta là gì rõ hơn trong cuộc vận hành sinh, lão, bệnh, tử. Và chẳng, kẻ sĩ khi nỗ lực tri thiên mệnh, chính là để coi vinh nhục cùng một góc, vậy lý gì đến sự mất còn của bản thân? (xem kỹ vòng Lộc tồn và vòng Thái Tuế).

Trong tinh thần dọn mình, và biết rõ tha nhân hơn, thiết tưởng người say mê nghiên cứu tử vi nghiệm lý, phải được kể là một hành động thành khẩn và can đảm.

Xuân Giáp - Dân - 1974
THIÊN LƯƠNG

LỜI MỞ ĐẦU

Sau một thời gian trình bày những lá số danh nhân và cổ nhân trên Khoa Học Huyền Bí, tôi đã được các thân hữu ở xa thì viết thư, ở gần thì lại chơi nhà khuyến khích nên viết về các nguyên tắc của số Tử vi mà mang xuất bản thành sách. Tự nghĩ mình căn bản đọc sách chẳng được bao nhiêu, nhất là kinh dịch là nguồn gốc của ngành gọi là huyền bí của Á Đông, nên không giám, trong tâm tâm mang riu thô kệch ra múa vụng về trước mắt các vị rành nghề. Đến nay vì lời thúc bách ngày một quá nhiều, không thể trả lời riêng từng vị một, nên cũng xin mạo muội cố viết nên cuốn sách này gọi là đền đáp lòng chiếu cố của các vị xa gần thường có lời khuyến dụ kỳ vọng.

Thấy rằng đã có một số sách Tử vi đã xuất bản, sách nào cũng có chỉ dạy các cách lập thành, dạy an sao giảng nghĩa các tính cách của sao, nên cuốn này, tôi xin bỏ qua các phần đó, vì quý vị đã rành tử vi hay mới học, chắc vị nào cũng đã có vài ba quyển có sẵn cách thức chỉ bảo rồi.

Ở đây tôi chỉ xin trình bày những điểm nào, tôi thấy có thể bổ khuyết trong các trường hợp sách in lầm hoặc là sơ sót bỏ qua hay cố tin ở đường lối của sách cũ bị tam sao thất bản làm lệch lạc ý nghĩa của lý học. Và chỉ xin bàn luận cách thức phân tách luận giải những phần nào tôi có thể làm được từ trước tới nay theo ý kiến riêng của tôi.

Xin thành thật cảm ơn các thân hữu xa gần và xin lỗi quý vị cao minh nếu có điều sơ sót của cuốn sách nhỏ bé này làm mất thời giờ của quý vị đọc nó.

Những chỗ sai lầm về: AN SAO LẬP SỐ

Sau khi kẻ khung, chia khung lá số thành 12 ô, ghi tuổi, tháng, ngày giờ, an mệnh, thân, lập cục rồi thì an sao Tử vi như sau:

Thái Dương	Phá Quân	Thiên Cơ	Tử Vi Thiên Phủ
Vũ Khúc			Thái Âm
Thiên Đồng			Tham Lang
Thất Sát	Thiên Lương	Liêm Trinh Thiên Tướng	Cự Môn

a) Nhóm TỬ VI an theo chiều nghịch.
b) Nhóm THIÊN PHỦ an theo chiều thuận.

VÒNG TRÀNG SINH

Tủ sách **HELEN**

Người Dương Nam, Âm Nữ theo chiều thuận như dưới đây:

-	KIM tứ cục	an Tràng Sinh tại cung	TỶ
-	MỘC tam cục	--	HỢI
-	HỎA Lục cục	--	DẦN
-	THỦY nhị cục	--	THÂN
-	THỔ ngũ cục	--	THÂN

Người Âm Nam, Dương Nữ theo chiều nghịch như dưới đây:

-	KIM Tứ cục	an Tràng Sinh tại cung	DẬU
-	MỘC tam cục	--	MÃO
-	HỎA Lục cục	--	NGỌ
-	THỦY nhị cục	--	TÍ
-	THỔ ngũ cục	--	TÍ

An Vòng Tràng Sinh như trên thì Dương Nam, Âm Nữ hoặc Âm Nam, Dương Nữ sao Mộ luôn nằm tại Tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi). Đó là trúng cách hợp lý sao Mộ phải ở Mộ địa là nơi xuất phát ra và rồi cũng là nơi tập trung tại đó của các hành khác (Kim Mộc Thủy Hỏa).

KINH DƯƠNG – ĐÀ LA

Kinh dương – Đà la là hai sát tinh an ở trước và sau Lộc Tồn, cũng phải theo chiều thuận hay nghịch của Dương Nam Âm Nữ (thuận) và Âm Nam dương nữ (nghịch) mà thay đổi vị trí .

Như tuổi Giáp Ngọ có Lộc tồn ở Dần, Kinh Dương ở Mão, Đà la ở Sửu của người Dương Nam. Nhưng Dương nữ thì Kinh Dương phải ở Sửu và Đà la ở Mão (theo chiều nghịch) nghĩa là Kinh Dương lúc nào cũng đồng cung với Lộc sĩ, không bao giờ có Đà la ở chung với Lộc Sĩ.

THIÊN KHÔI – THIÊN VIỆT

Bộ Khôi Việt an theo hàng Can của năm sinh

Tuổi	Khôi	Việt
Giáp, Mậu	Sửu cung	Mùi cung
Át, Kỷ	Tý cung	Thân cung
Bính, Đinh	Hợi cung	Dậu cung
Canh, Tân	Ngọ cung	Dần cung
Nhâm, Quý	Mão cung	Tỵ cung

Vì có một số sách đã in lầm tuổi Giáp Mậu Canh có Thiên Khôi ở Sửu, Thiên Việt ở Mùi, còn lại một tuổi Tân có Thiên Khôi ở Ngọ và Thiên Việt ở Dần. Vậy theo sự phân phối trên đây thì đồng đều cho cả bốn tuổi Giáp Mậu và Canh Tân .

TỬ HÓA

An Tử - Hóa vào những cung có các sao như sau theo hàng CAN của tuổi:

TUỔI	LỘC	QUYỀN	KHOA	KỶ
GIÁP	Liêm Trinh	Phá Quân	Vũ Khúc	Thái Dương
ÁT	Thiên Cơ	Thiên Lương	Tử Vi	Thái Âm
BÍNH	Thiên Đồng	Thiên Cơ	Văn Xương	Liêm Trinh
ĐINH	Thái Âm	Thiên Đồng	Thiên Cơ	Cự Môn
MẬU	Tham Lang	Thái Âm	Hữu Bật	Thiên Cơ

KỶ	Vũ Khúc	Tham Lang	Thiên Lương	Văn Khúc
CANH	Thái Dương	Vũ Khúc	Thiên Đồng	Thái Âm
TÂN	Cự môn	Thái Dương	Văn Khúc	Văn Xương
NHÂM	Thiên Lương	Tử Vi	Tả Phụ	Vũ Khúc
QUÝ	Phá Quân	Cự Môn	Thái Âm	Tham Lang

Có trường hợp đã để Tuổi Nhâm có Hóa Khoa đúng theo Thiên Phủ không phải là Tả phụ. Theo như bản ở trên sự phân phối đúng cặp với 14 chính tinh còn có 2 bộ trung tinh có tính đặc biệt được nhập bổn là Tả - Hữu và Xương - Khúc. Vậy Tuổi MẬU đã để Hữu Bát có Hóa Khoa, tất nhiên tuổi NHÂM phải để Tả Phụ có mặt cho đủ bộ như Xương - Khúc có đầy đủ cả đôi.

LƯU HÀ

Lưu Hà là sát tinh luôn luôn phối hợp với Kiếp Sát đóng thế gọng kìm như hai lưỡi kéo của tử thần an theo hàng CAN của tuổi đúng trái nghịch Âm Dương cứ hai tuổi một theo chiều thuận.

Mậu	Kỷ	Bính	Canh	Mậu	Kỷ	Bính	Đinh
Đinh	AN THEO CỬ		Giáp	Tân			Giáp
Tân			Ất	Canh			Ất
Quý			Nhâm	Quý			Nhâm

HỎA – LINH

Thấy bộ Hỏa - Linh có chỗ an theo vị trí cố định thì Linh Tinh rất ít khi có dịp hội chánh để làm nghĩa hiệp và thiết thời cho 9 tuổi Thân Tý Thìn, Tỵ Dậu Sửu, Hợi Mão Mùi. Tương an theo giờ sinh là trúng lý hơn, vẫn theo chiều thuận của Dương Nam, Âm Nữ và nghịch theo Âm Nam, dương Nữ.

Tuổi Dương Nam, Âm Nữ

Thân Tý Thìn bắt đầu từ cung cung **Dần** tính thuận đến giờ sinh an Hỏa
Thân Tý Thìn bắt đầu từ cung cung **Tuất** tính nghịch đến giờ sinh an Linh
Dần Ngọ Tuất bắt đầu từ cung cung **Sửu** tính thuận đến giờ sinh an Hỏa
Dần Ngọ Tuất bắt đầu từ cung cung **Mão** tính nghịch đến giờ sinh an Linh
Tỵ Dậu Sửu bắt đầu từ cung cung **Mão** tính thuận đến giờ sinh an Hỏa
Tỵ Dậu Sửu bắt đầu từ cung cung **Tuất** tính nghịch đến giờ sinh an Linh
Hợi Mão Mùi bắt đầu từ cung cung **Dậu** tính thuận đến giờ sinh an Hỏa
Hợi Mão Mùi bắt đầu từ cung cung **Tuất** tính nghịch đến giờ sinh an Linh

Tuổi Âm Nam, Dương Nữ cùng ở những cung như trên tính chiều thuận và nghịch trái lại cho cả 12 tuổi và 02 sao.

LA – VÕNG

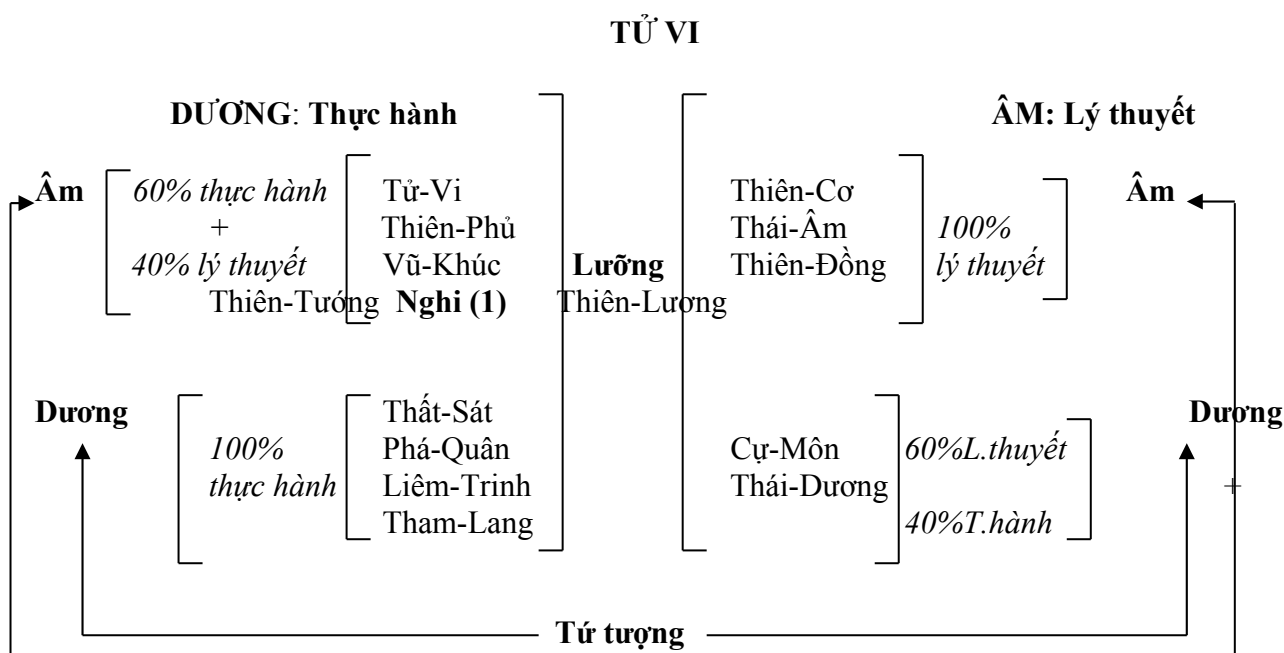
Chỉ khi nào có Đà la ở cung Thìn hay cung Tuất mới được coi là có La - Vọng

PHẦN II

PHÂN TÁCH GIẢI LUẬN

Số tử vi là một sản phẩm thoát thai do triết học đông phương lấy Âm dương làm căn bản phân tách ngũ hành biến dịch sinh khắc thì thiết tưởng bất kỳ mộ nhận định nào cũng phải theo sự trình bày hợp lý của lẽ Âm dương trước, rồi ngũ hành sau.

Bắt đầu đặt vấn đề: **Tử vi là thái cực sinh lưỡng nghi**, và chia ra tứ tượng của bộ chính tinh .



Thái Dương A	Phá Quân B	Thiên Cơ C	Tử Vi Thiên Phủ D
Vũ Khúc D	2		Thái Âm D
Thiên Đồng D			Tham Lang D
Thất Sát D	Thiên Lương A	Liêm Trinh Thiên Tướng D	Cự Môn A

Hình vẽ 1: Minh định thể đứng của 14 chính tinh để thấy sự phân chia ra âm dương ước định sự phản ứng mỗi vận hành ở thế nọ chuyển gặp thế kia để không nên quan niệm là số 4 cách số khác nhau là Tử Phủ Vũ Tướng, Sát Phá Liêm Tham, Cơ Nguyệt Đồng Lương. Như trên chỉ là mới chia thành Tứ Tượng, còn phân tách ra bát quái cho đến cách còn một sao gặp nhau

cũng có phản ứng nhỏ nhoi tí mỉ. Sự trình bày này không ngoài ý nhắc nhở nên đặt vấn đề âm dương quan hệ trước nhất mới rõ được mức độ đối kháng vận hành (phân tách thể đứng) .

Hình vẽ 2: Tử Phủ Vũ Tướng, Sát Phá Liêm Tham và Cơ Nguyệt Đồng lương, chỉ là thể lương nghi thái cực. Thể đứng ở thiên luôn luôn riêng biệt không bao giờ có sao ở phe này đứng chung với sao ở phe kia. Những phản ứng do vận hành phải căn cứ vào sự phân chia tứ tượng, bát quái, v.v.. nên kết quả nặng nhẹ (trình bày ở thiên bàn bảng 2) ví như sắp xếp lại sao ở hình 2, dương một bên, âm một bên, thấy rõ hai hình sẽ ăn khớp nhau.

Về tính cách và ý nghĩa của sao, sách nào ngày nay cũng dịch chép lại các bản cổ xưa, hần y như nhau cả, tôi chỉ xin phân tách ý nghĩa và cách áp dụng cách nào khi luận đoán một lá số: Sách số nào cũng nói như xem một cung mệnh phải bao quát: Chính cung, 2 cung tam hợp, cung xung chiếu và cung nhị hợp. Vậy tại sao lại là tam hợp, xung chiếu, và nhị hợp, ảnh hưởng mỗi cung thể nào?

Trong 12 cung của thiên bàn có 4 cung thổ (2 cung dương Thìn Tuất, 2 cung âm Sửu Mùi) là nguồn gốc phát xuất ra các hành khác và rồi cũng là chỗ tập trung về đó. Phối hợp với 8 cung Hợi Tý (Thủy), Dần Mão (Mộc), Tỵ Ngọ (hỏa), Thân Dậu (Kim) thành 4 cục (Cục-diện, quy-chế)

A. Thân-Tý-Thìn: Thủy (Nhờ Thân thổ để cho Thân trảng sinh của Thủy làm Thủy được đầy)

B. Dần-Ngọ-Tuất: Hỏa (Nhờ Tuất thổ để cho Dần trảng sinh của Hỏa làm cho Hỏa được vượng)

C. Tỵ-Dậu-Sửu: Kim (Nhờ Sửu thổ để cho Tỵ trảng sinh của kim làm cho Kim được thịnh)

D. Hợi-Mão-Mùi: Mộc (Nhờ Mùi thổ để cho Hợi trảng sinh của mộc làm cho mộc được tốt)

Bốn cục là cái thể tam hợp căn bản của tử vi đầu số. Ba cung tuy khác hành mà đứng chung trong thể liên minh có một hành chung cùng ba cục kia ganh đua luân chuyển sinh khắc lẫn nhau biến đổi.

	Ngọ		
			Tuất
Dần			

Tam hợp Dần Ngọ Tuất (**Hỏa**)

	Mệnh	Phụ	
		Di	

Mệnh Dần Ngọ Tuất: **HỎA**

Nhị hợp : Hợi Mão Mùi : **Mộc**

có nghĩa là Mộc sinh Hỏa

(Mệnh được Phụ sinh nhập)

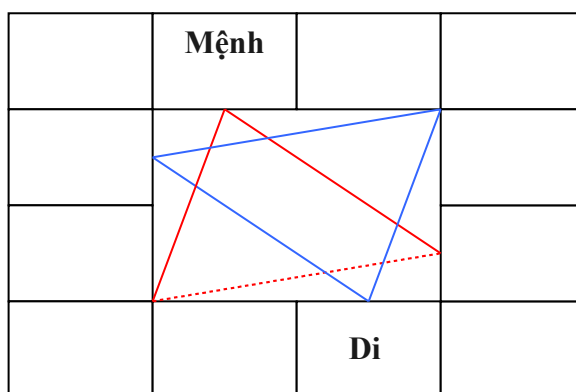
Nhị Hợp là cái thể chỉ có sinh không có khắc, một là sinh nhập, hai là sinh xuất, vẫn là cái thể tương sinh có nghĩa là vẫn có tính bù qua đắp lại cho nhau. Như:

1. Mệnh ở Tỵ thì phải sinh xuất cho Điền

2. Mệnh ở Ngọ thì được sinh nhập ở Phụ
3. Mệnh ở Mùi thì phải sinh xuất cho Bào
4. Mệnh ở Thân thì được sinh nhập ở Tử
5. Mệnh ở Dậu thì phải sinh xuất cho Ách
6. Mệnh ở Tuất thì được sinh nhập ở Nô
7. Mệnh ở Hợi thì phải sinh xuất cho Điền
8. Mệnh ở Tý thì được sinh nhập ở Phụ
9. Mệnh ở Sửu thì phải sinh xuất cho Bào
10. Mệnh ở Dần thì được sinh nhập ở Tử
11. Mệnh ở Mão thì phải sinh xuất cho Ách
12. Mệnh ở Thìn thì được sinh nhập ở Nô

Các thể nhị hợp chỉ có sinh tương sinh nhập ở nhị hợp Phụ, Tử và Nô và sinh xuất cho Điền, Bào và Ách, vẫn là trong nội cảnh của Mệnh .

Còn cung xung chiếu tức là **Thiên Di là đối tượng khắc**, một là khắc xuất hai là khắc nhập, tức là phải tranh đấu. **Nếu thắng (khắc xuất) mọi sự được dễ dàng vẻ vang, bằng như bị bại (khắc nhập) mọi sự thua thiệt và khó khăn**, chứ đừng tưởng có Khoa Quyền Lộc mà mình được đương nhiên hưởng thụ .



Mệnh ở Dần Ngọ Tuất: Hỏa
Di ở Thân Tý Thìn: Thủy

Thủy khắc Hỏa là Mệnh bị khắc nhập luôn luôn bị người ta không chế coi thường. Mệnh này muốn thắng phải có điều kiện khác. Vậy Thiên Di là kẻ đối phương chứ không phải là của mình .

Căn bản chánh yếu của Mệnh là tam hợp (Mệnh Quan Tài), nhị hợp (sinh) là thể phụ thêm bớt tình thể của Mệnh, còn tuyệt đối Thiên Di (khắc) là đối thủ rồi .

GHI ĐẠI HẠN

Sau khi an xong hết các sao là ghi đại hạn ở trong thiên bàn để biết thời gian 10 năm một được hanh thông hay bế tắc . Điều quan trọng là Đại hạn hướng dẫn người ta theo mức độ 100% so với tiểu hạn phải nằm trong đó chỉ có 10%. Nếu như ghi sai thì sự thành bại trật hết . Tôi thấy hiện hành có 2 cách ghi:

(a) Bắt đầu từ cung Mệnh tùy theo Cục và Dương nam, Âm nữ theo chiều thuận tới Phụ Mẫu, Phúc Đức ... mỗi cung 1 giai đoạn, trái lại Âm nam, Dương nữ theo chiều nghịch đến Bào, Phu hay Thê ...

(b) Bắt đầu từ cung Phụ Mẫu hoặc cung Huynh Đệ mà đi theo chiều thuận hay nghịch như trên có nghĩa là sai biệt một cung, như đáng lẽ từ Mệnh xuất phát, trường hợp này lại bắt đầu từ Phụ Mẫu hay Huynh Đệ khởi hành tức là trật 10 năm.

Tôi xin thưa là cách thứ hai (b) là sai 100%, Quý vị độc giả đọc tiếp tới chỗ trình bày về vòng Thái Tuế thì sẽ thấy ngay đâu là đúng trật. Chỉ xin tóm tắt vì người tuổi gì khi tới đại hạn của năm tam hợp tuổi phải đắc thời, hanh thông không nhiều thì ít còn tùy theo một vài yếu tố như Tuần Triệt hay Không Kiếp và vị trí Mệnh, Thân, chứ không thể không có hải lòng.

MỆNH - THÂN

Người ta thường nói Mệnh là mạng người quy định chỉ có ảnh hưởng cho nửa cuộc đời về trước nghĩa là từ lúc ra đời cho tới tuổi ngoài 30. Còn Thân là cuộc đời nối tiếp thời gian của Mệnh cho tới khi nhắm mắt nhập thổ. Theo thiên kiến tôi nghĩ:

Mệnh là định mệnh theo khuôn viên đã sắp xếp cho cá nhân đó nhập thế cuộc ở vào một tình cảnh nào, giàu hay nghèo, thanh thoi hay vất vả. Còn Thân là “TA” là hành động của cá nhân định mệnh đó, có chấp nhận theo định mệnh hay chống chọi lại. Đành rằng có số mệnh, cá nhân cũng có quyền suy tính hành động nên mới có trường hợp khôn dại đều chết chỉ biết là sống. Phải chăng số là cây kim la bàn luôn luôn giao động người biết thì thấy hướng mà đi, còn không thì ráng mà chịu. Là do Thân tùy theo vị trí Mệnh Thân đồng cung hay Thân ở Di, ở Phúc Đức, ở Quan Lộc, Phu Thê để cho người đó trình bày quyết định tư tưởng mình. Theo thời gian khi một người đã có tư tưởng để quyết định cho đời mình không có gì ràng buộc phải là tuổi ngoài 30. Vậy nếu Mệnh là định mệnh, Thân là TA hành động.

VỊ TRÍ MỆNH - THÂN

Một lá số đặt trước mặt không khác gì người đứng ngắm một ngôi nhà. Cái nhà này cao hay thấp, làm bằng vật liệu nhẹ hay đúc xi măng cốt sắt, có thuận tiện cho công việc làm ăn lập nghiệp không. Đó là vị trí của cung Mệnh, Thân an ở trong thiên bàn.

Mười hai cung trong thiên bàn không phải là nhất định cung này tốt, cung kia xấu. Sự xấu tốt phải tùy thuộc tuổi của người có số mà mệnh đã ngự tọa ở chỗ đất lành hay dữ cho tuổi đó.

Tuổi là tên năm sinh do hàng Can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý) và hàng Chi (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi) phối hợp lại gọi là nạp âm. Ví dụ như tuổi Giáp - Tí, thiên can là Giáp, Địa chi là Tí, Nạp âm Giáp – Tí.

Vì lẽ đó phải chăng mới có 3 vòng Thái Tuế, Lộc Tồn, Tràng Sinh để phân tách Thiên can, Địa chi, nạp âm của tuổi đời với cung an Mệnh.

THÁI - TUẾ

Cung Thiên bàn đã ấn định tên vị trí theo địa chi nhất định. Lúc lấy số tuổi gì thì ghi Thái Tuế ở vào vị trí có tên của nó như người ta sinh ra đời ở trong đất nhà của mình hay đi đường lạc danh - bộ tùy theo Mệnh Thân có trùng tam hợp tuổi hay không?

Thái Tuế là ngôi vị có tính cách thịnh vượng cao cả của người thọ lãnh nhiệm vụ chủ quyền chỉ huy công việc có ảnh hưởng bao trùm sâu rộng trong quần chúng. Mệnh nào đóng trúng Thái Tuế hoặc trong tam hợp tuổi (Thái Tuế) của mình là người đó đã được sắp xếp mọi sự thỏa mãn như mình ở đất nhà mình, dầu tốt xấu gì cũng thuộc quyền của mình, mình toàn quyền sử dụng theo ý muốn không phải e dè ai như là người ở nhờ hay thuê mượn tức là thỏa mãn, hài lòng tùy theo vị trí mức độ để mình thụ hưởng, dĩ nhiên là nhà mình, mình ra công bù đắp, chứ không có ý phá hoại. Đó là tư – cách của cá – nhân ở vị trí Thái Tuế .

Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân
Thìn	Tên vị trí trong Thiên bàn		Dậu
Mão			Tuất
Dần	Sửu	Tí	Hợi

Người tuổi Dần Ngọ Tuất
 Người tuổi Thân Tí Thìn
 Người tuổi Tỵ Dậu Sửu
 Người tuổi Hợi Mão Mùi
12 vị trí của vòng Thái Tuế

Mệnh ở trong tam hợp Dần Ngọ Tuất
 Mệnh ở trong tam hợp Thân Tí Thìn
 Mệnh ở trong tam hợp Tỵ Dậu Sửu
 Mệnh ở trong tam hợp Hợi Mão Mùi

			Bạch Hổ
Quan Phù	1		
		Thái Tuế	

Tử Phù			
	2		Phúc Đức
	Thiếu Dương		

		Long Đức	
	4		
Thiếu Âm			
			Trực Phù

	Tuế Phá		
	3		
			Điều Khách
Tang Môn			

Thí dụ tuổi tí Mệnh được ở Tí cung là trùng ngay Thái Tuế. Ba vị trí của tam hợp là: (Hình 1)

- | | | |
|---|---------------------------------------|---|
| [| - Thái Tuế
- Quan Phù
- Bạch Hổ | : đầy lòng tự hào, coi mình như có sứ mạng làm việc chánh đáng .
: hành động chánh đáng với suy tính kỹ càng, thận trọng .
: gắng công làm việc chính đáng với bất kể giá nào . |
|---|---------------------------------------|---|

Ba vị trí Tý Dậu Sửu của tuổi Tí là ba vị trí được hưởng sinh nhập (Hình 2)

- | | | |
|---|---|--|
| [| - Thiều Dương
- Tử Phù
- Phúc đức | : sáng suốt hơn người
: hơn người nhưng thường bị kẹt
: muốn hơn người ăn chắc là phải có đức độ, trọng thần quyền đạo đức |
|---|---|--|

Ba vị trí Dần Ngọ Tuất của tuổi Tí là 3 vị trí bị xung khắc tức là bất mãn (Hình 3)

- | | | |
|---|---|---|
| [| - Tuế Phá
- Điều Khách
- Tang Môn | : bất mãn, hận lòng muốn đả phá quật ngược
: bất mãn, thường hay lấy lời lẽ thuyết phục phân trần
: bất mãn mà vẫn nặng lo toan tính toán |
|---|---|---|

Ba vị trí Hợi Mão Mùi của tuổi Tí là 3 vị trí bị thua thiệt bị sinh xuất (Hình 4)

- | | | |
|---|--|---|
| [| - Trục Phù
- Thiểu Âm
- Long Đức | : phải chịu thiệt thòi mà không được thù lao xứng đáng
: dễ lầm lẫn, tin người mà thành khờ dại
: an ủi vì thua thiệt mà tu, bon chen cũng không đến đâu. |
|---|--|---|

Vòng Thái Tuế đưa con người vào 12 thế đứng như trên của bốn tam hợp có nghĩa như sau:

			Bạch Hổ
Long Trì Hoa Cái	1		
		Thái Tuế	

Nguyệt Đức		Long Đức	
	2		Thiên Đức Phúc Đức
	Thiếu Dương	Thái Tuế	

	Tuế Phá		
	3		
Thiên Mã		Thái Tuế	

		Long Đức	
	4		
Thiếu Âm			
		Thái Tuế	Trực Phù

Nhìn vào 4 hình vẽ:

HÌNH 1: Ba vị trí Thái Tuế, Quan Phù, Bạch Hổ luôn luôn được hưởng bộ sao Long Phụng Hổ Cái (thỉnh thoảng mới có ba) là bộ sao đưa người ta đến vinh dự hưng vượng may mắn bằng thể này hay thể khác tức là làm cho người ta thỏa mãn hài lòng.

HÌNH 2: Ba vị trí Thiếu Dương, Tử Phù, Phúc Đức luôn luôn có tam, tứ đức có nghĩa là định mệnh đã cho số được ở thể sinh nhập, tinh khôn hơn người thì số phải trọng nhân hậu đạo đức, nếu không chỉ Thiên Không (đứng sát với Thiếu Dương) thì hành sự mạng nghĩa là cũng không đến đâu.

HÌNH 3: ba vị trí Tuế Phá, Tang Môn, Điều Khách luôn luôn có Thiên Mã là nghị lực, miễn cán có nghĩa là đương số ở trong tình trạng bất mãn chống đối phải cho họ có nghị lực, miễn cán mới được việc, còn tùy theo Thiên Mã đó có phải của họ hay không lại là việc thành bại quyết định.

HÌNH 4: Ba vị trí Trực Phù, Thiếu Âm, Long Đức là ba vị trí bị sinh xuất thua thiệt, lắm lần, hữu công vô lao thường được an ủi bằng Lộc Tồn của tuổi Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Quý tướng không ngon lành gì. Nó chỉ là miếng mồi thơm nhưng ở trong đã có chất độc (Hà - Sát). Không ham, nên chọn con đường chánh đã vạch sẵn Long Đức là hơn hết (tự an ủi mà tu) .

Vì lẽ vị trí tam hợp Thái Tuế, Quan Phù, Bạch Hổ là vị trí may mắn thuận tiện đi đến vinh quang, cho nên mỗi khi đại vận chuyển đến đó, bất kể là mệnh đóng ở vị trí nào (Tuế Phá, Thiếu Dương hay Trực Phù) người có số vẫn được hài lòng thỏa mãn. Như trên đã nói về phần ghi đại

hạn thì cách thứ nhất (a) bắt đầu ghi ngay ở cung mệnh tuân tự theo chiều thuận hay nghịch mỗi khi gặp tam hợp Thái Tuế là phát vinh quang, là trùng thời gian tuổi thật của đương số.

LỘC TỒN

Trong Tử Vi có 2 thứ Lộc: Lộc Tồn và Hóa Lộc. **Hóa Lộc là lộc do công khó nhọc làm ra. Lộc Tồn là thiên lộc được ấn định theo hàng thiên can của tuổi**, là lộc định mệnh đã đặt sẵn ở thiên bàn ban phát cho từng hạng người đã được sắp xếp theo tuổi nhất định ở vị trí nhất định, nếu kẻ bàng quan lạm dụng sẽ có hậu quả để bù trừ. Đây là một căn quả của luân hồi không thể tham sân si mà được. Lộc Tồn được đặt theo hàng can của tuổi, đứng trong thiên bàn theo vị trí ngũ hành, đắc cách hay không ở thể âm dương thuận nghịch.

Lộc Tồn tuổi Giáp ở Dần
Lộc Tồn tuổi Ất ở Mão
Lộc Tồn tuổi Bính ở Ty
Lộc Tồn tuổi Đinh ở Ngọ
Lộc Tồn tuổi Mậu ở Ty

Lộc Tồn tuổi Kỷ ở Ngọ
Lộc Tồn tuổi Canh ở Thân
Lộc Tồn tuổi Tân ở Dậu
Lộc Tồn tuổi Nhâm ở Hợi
Lộc Tồn tuổi Quý ở Tí

(a) Tuổi Giáp có Lộc Tồn ở Dần chỉ dành riêng cho người Giáp Dần, Giáp Ngọ và Giáp Tuất được hưởng trọn vẹn thiên lộc mà mệnh phải ở trong vị trí tam hợp Thái Tuế, nếu ở vị trí khác chỉ khi nào gặp mới thọ hưởng. Còn tuổi Giáp Thìn, Giáp Thân, Giáp Tí kể như là nghịch cảnh vì ở vị trí Tuế Phá, Tang Môn, Điều Khách.

(b) Tuổi Ất có Lộc Tồn ở Mão thì chỉ có tuổi Ất Mão, Ất Mùi, Ất Hợi được hưởng trọn vẹn thiên lộc và cũng phải ở vị trí tam hợp Thái Tuế. Nếu ở vị trí khác cũng chỉ khi nào gặp mới hưởng. Ngoài ra tuổi Ất Ty, Ất Dậu, Ất Sửu kể là nghịch cảnh vì ở vị trí như Giáp Thìn, Giáp

Thân, Giáp Tí: Tuế Phá, Tang Môn, Điều khách không được đầy đủ hoặc ở trong có sự gì người đời phải đặt dấu hỏi (?) .

(c) Tuổi Canh, tuổi Tân có Lộc Tồn ở Thân, Dậu cũng cùng trường hợp như 2 tuổi Giáp, tuổi Ất phải là tuổi Canh Thân, Canh Tí, Canh Thìn, Tân Ty, Tân Dậu, Tân Sửu mới đắc cách thọ hưởng Lộc Tồn. Còn Canh Dần, Canh Ngọ, Canh Tuất và Tân Hợi, Tân Mão, Tân Mùi đều đứng ở nghịch vị trí là Tuế Phá, Tang Môn, Điều Khách phải chịu cùng cảnh ngộ của Giáp Thân, Giáp Tí, Giáp Thìn và Ất Ty, Ất Dậu, Ất Sửu.

(d) Còn sáu tuổi Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Nhâm, Quý là 6 tuổi có Lộc Tồn ở Ty, Ngọ, Hợi, Tí là 4 vị trí (Bính Mậu một vị trí ở Ty, Đinh Kỷ một vị trí ở Ngọ, Nhâm một vị trí ở Hợi, Quý một vị trí ở Tí) đều ở trong cảnh âm dương phản nghịch vì tuổi Bính (Dương Hỏa), tuổi Mậu (Dương Thổ) lại ở Ty cung là âm hỏa. Tuổi Đinh (Âm Hỏa) Kỷ (Âm Thổ) lại ở cung Ngọ là Dương Hỏa. Tuổi Nhâm (Dương Thủy) ở Hợi là Âm Thủy, tuổi Quý (Âm Thủy) ở Tí là Dương Thủy.

Vòng Lộc Tồn đầu có sắp xếp theo chiều thuận hay nghịch cùng ở trong thể đứng:

- a) Bác Sĩ, Tướng Quân, Bệnh Phù + Lộc Tồn
- b) Lực Sĩ, Tầu Thụ, Đại Hao + Kinh Dương
- c) Thanh Long, Phi Liêm + Phục Binh
- d) Tiểu Hao, Hỉ Thần, Quan Phủ + Đà La

12 sao chia cho bốn tam hợp ta thấy:

1. Lộc Tồn, Bác Sĩ, Tướng Quân, Bệnh Phù ở thể chủ chột quang minh nhân hậu (Bác Sĩ), hiền ngang (Tướng Quân) đầu có bị suy tàn (Bệnh Phù)

2. Kinh Dương, Lực Sĩ, Tấu Thư, Đại hao là tư thể của kẻ ăn no vác nặng (Kinh, Lực) có cố gắng học hỏi (Tấu Thư) cũng không đến đâu (Đại Hao)

3. Đà La, Quan Phủ, Hỉ Thần, tiểu Hao là tư thể của kẻ làm lì làm ra vẻ hào phóng (Hỉ Thần) cũng chỉ trong đom đóm (Tiểu Hao) ngoài bó đuốc (Quan Phủ) cho thị phi đàm tiếu.

4. Thanh Long, Phi Liêm, Phục Binh là tư thể của kẻ có gặp bước may làm việc như vũ bão cướp thời gian (Phi Liêm) cũng chỉ là nhất thời (Phục Binh)

	Tướng Quân		
	1		
			Bệnh Phù
Lộc Tồn			

		Tấu Thư	
	2		
K.Đương Lực sĩ			
			Đại Hao

Tiểu Hao			
	3		Hỉ Thần
	Đà La Quan Phủ		

			Phi Liêm
Thanh Long	4		
		Phục Binh	

TRÀNG SINH

Lộc Tồn được an định theo thiên can, Thái Tuế theo địa chi. Tràng - Sinh được sắp xếp theo cục của tuổi ở vị trí an Mệnh, tức là lấy Thiên can của tuổi biến định từ Dần đến vị trí địa chi của cung an Mệnh mà quyết định, có ý nghĩa người đó hình thành do cha (thiên can) mẹ (địa chi) phối hợp ở miếng đất mệnh cư ngụ để bắt đầu diễn biến cuộc đời tức là theo nạp âm (can chi phối hợp) của vị trí và nạp âm của tuổi số mà kết đoán luận sánh.

Ở đây vòng Tràng Sinh ta thấy là cái hình bóng tóm tắt của vòng Thái Tuế và Lộc Tồn hợp nhất, chứng tỏ thánh nhân sáng lập ra tử vi đã phân tách từng phần

(Can và Chi) kỹ càng, lại tóm hợp (nạp âm) cận kề cuộc đời cá nhân sống ở kiếp người cố tránh sơ sót, dầu rằng Tử Vi chỉ đem lại kết quả tương đối (tổng kết lá số là 518 400 cái).

Vòng Tràng Sinh bắt đầu từ:

Tràng Sinh : Khôn lớn
 Mộc Dục : Dậy thì
 Quan Đới : Sự nghiệp
 Lâm Quan : Hành diện
 Đế Vượng : Oanh liệt
 Suy : Biếng nhược
 Bệnh : Tàn tạ
 Tử : Mãn kiếp
 Mộ : Chôn vùi
 Tuyệt : Đứt đoạn
 Thai : Tái sinh
 Dưỡng : Bồi đắp

Sinh (Thủy)	Mộc (Thủy)	Đới (Kim)	Lâm (Kim)
Dưỡng (Mộc)			Vượng (Kim)
Thai (Thổ)			Suy (Hỏa)
Tuyệt (Thổ)	Mộ (Thổ)	Tử (Hỏa)	Bệnh (Hỏa)

Nhìn vào hệ thống từ Tràng Sinh đến Dưỡng thấy có một chuỗi thời gian nối tiếp nhau có lớp lang diễn biến nên tôi có ý kiến không dùng đến tam hợp để luận xét, chỉ dùng hành của Mệnh sinh khắc với hành của cung hòa hợp với sao của vòng sao này đóng ngay tại đó để biết thân thể người đó sống ở đất ấy tình cảnh ra sao (không gian) biến dịch theo thời gian qua các cung khác cũng vậy. Nhưng cái quan trọng tóm tắt nhiều ý nghĩa vẫn là sao (sao vòng Tràng Sinh) ở Mệnh là căn bản. Như trên tôi đã trình bày vòng Tràng Sinh là hình bóng hợp nhất của hai thể Thái Tuế và Lộc Tồn.

Lộc Tồn là hạnh phúc của cá nhân do thiên can là cha sinh tạo truyền.

Thái Tuế là bả sinh hình hài tư cách do địa chi là mẹ dưỡng nuôi bồi đắp dạy dỗ mất nhiều thời gian từ khi thai nghén đến lúc ra đời nên cái quan hệ của Thái Tuế ở vị trí đóng Mệnh như đã trình bày ở mục Thái Tuế là rất quan hệ mật thiết của đương số.

Vòng Tràng Sinh là một các vòng kín nối liền bắt đầu từ Tràng Sinh đến Tuyệt tương là hết rồi. Cái tài tình của Thai Dưỡng là lại đứng liền ngay bắc qua nối tiếp với Tràng Sinh để tiếp tục thể đi luân chuyển bất tận, tỏ rõ luân hồi tiền kiếp của một nhân sinh, phải chỉ bắt đầu từ Thai Dưỡng rồi tuần tự đến Tuyệt thì có lẽ người đời chết là hết.

Với vòng Tràng Sinh thiết tưởng rồi sau này người ta có thể khám phá ra tiền kiếp và hậu lai bằng luật thừa trừ Luân hồi quả báo như hiện nay ở Hoa Kỳ đã thực nghiệm thấy. Bằng chứng có một hồ sơ khổng lồ còn lưu trữ tại thư viện Virginia Beach, tiểu bang Florida làm tài liệu soi kiếp.

HỒNG LOAN, ĐÀO HOA, THIÊN KHÔNG

Sau ba vòng Thái Tuế, Lộc Tồn, Tràng Sinh đến bộ ba Hồng Loan, Đào Hoa và Thiên Không không kém phần quan trọng ở trong số. Nó có những vị trí dành riêng rõ rệt để nó hành động với khả năng tính cách riêng biệt tốt xấu, cung hay chiếu. Nhưng chủ quyền của sao nào hai sao kia chỉ là phụ thuộc có tánh cách tham

1. Vị trí của Hồng Loan : Trọng đức

Tủ sách [HELEN](#)

1	2	3	1
3			2
2			3
1	3	2	1

2. Vị trí của Đào Hoa : Mưu sĩ
3. Vị trí của Thiên Không: Tàn phá

1. Bốn cung Dần Thân Tị Hợi là 4 góc Thiên bàn, một khi có Thiên Không là có ngay Hồng Loan ở ngay đồng cung hay xung chiếu là vị trí của Hồng Loan làm chủ, Thiên Không chỉ là khách. Ở đây Hồng Loan đóng vai chánh với 2 phụ tá diễn tả tính cách sắc sắc không không là người có giác quan bén nhạy, từ tâm, không "tham sân si", trọng đức lớn có nghĩa là tư cách của người tu hành, thấy ra hiểu rộng.

2. Bốn cung Tý Ngọ Mão Dậu là vị trí cố định của Đào Hoa (Đào Hoa chỉ ở 4 cung này) được hai phụ tá kia phò giúp (Hồng - Không: sắc không) nhưng quyền chỉ huy quyết định là của Đào Hoa thành ra đạo đức ranh mãnh, đạo đức giả hiệu, mưu sĩ quỷ quyết.

3. Bốn cung Thìn Tuất Sửu Mùi là vị trí của trường hợp nào cũng chỉ một mình Thiên Không tung hoành, hai phụ tá lạc lõng xa với (Hồng Loan ít khi gặp, chỉ có Đào Hoa thường xuyên tam hợp). Tính cách cố hữu của Thiên Không đã là hung (không) lại ở chỗ một mình một chợ tha hồ ra oai tác hại vì nhiều khi vắng bóng Hồng Loan (trung) chỉ một mình Đào Hoa (nịnh) đưa đẩy thì vị trí này là vị trí nguy khốn cho người đời do Thiên Không gieo họa.

Bộ ba Hồng Loan, Đào Hoa, Thiên Không vẫn có tính cách đầu gi cũng là hư không, nhưng người đạo đức coi phú quý như phù vân không màng tưởng, là cái không cao cả. Kẻ mưu sĩ quỷ quyết trăm khoanh tứ đổm xoay sở cho lắm lẫn hậu quả là "Không" bù trừ. Hạng tàn ác đến đâu gieo tàn phá khủng khiếp cũng chỉ còn "không" tro tro. Thiết tưởng người sáng suốt vẫn được sống yên lành là trường hợp của Hồng Loan.

LƯU HÀ - KIẾP SÁT

Trong Tử vi có bộ lục sát Không Kiếp, Kinh Đà, Linh Hóa là một đoàn quân xông pha nhiều lúc phải tùy thuộc cấp chỉ huy mới nên kết quả đáng kể.

Bộ Lưu Hà Kiếp Sát cũng là bộ sát tinh thường xuyên đứng với Thiên Không, đứng vai Thẩm Phán giữ cân cân thăng bằng cho bộ luật thừa trừ định mệnh cho từng hạng tuổi như sau:

CAN CHI

<i>Giáp</i> -----	<i>cho người</i> -----	<i>Thân Tý Thìn</i>
<i>Ất Kỷ</i> -----		<i>Tý Dậu Sửu</i>
<i>Bính Canh</i> -----		<i>Dần Ngọ Tuất</i>
<i>Tân</i> -----		<i>Hợi Mão Mùi</i>
<i>Đinh Quý</i> -----		<i>Hợi Mão Mùi + Tý Dậu Sửu</i>
<i>Mậu Nhâm</i> -----		<i>Thân Tý Thìn + Dần Ngọ Tuất</i>

Lưu Hà là sao Thủy an theo hàng Can của tuổi luôn luôn ở nghịch địa âm dương như:

<i>Tuổi Giáp (dương)</i>	<i>thì Lưu Hà đóng ở</i>	<i>Dậu (âm cung)</i>
<i>Ất (âm)</i>	<i>thì Lưu Hà đóng ở</i>	<i>Tuất (dương cung)</i>
<i>Bính (dương)</i>	<i>thì Lưu Hà đóng ở</i>	<i>Mùi (âm cung)</i>
<i>Đinh (âm)</i>	<i>thì Lưu Hà đóng ở</i>	<i>Thân (dương cung)</i>
<i>Mậu (dương)</i>	<i>thì Lưu Hà đóng ở</i>	<i>Tỵ (âm cung)</i>
<i>Kỷ (âm)</i>	<i>thì Lưu Hà đóng ở</i>	<i>Ngọ (dương cung)</i>
<i>Canh (dương)</i>	<i>thì Lưu Hà đóng ở</i>	<i>Mão (âm cung)</i>
<i>Tân (âm)</i>	<i>thì Lưu Hà đóng ở</i>	<i>Thìn (dương cung)</i>
<i>Nhâm (dương)</i>	<i>thì Lưu Hà đóng ở</i>	<i>Hợi (âm cung)</i>
<i>Quý (âm)</i>	<i>thì Lưu Hà đóng ở</i>	<i>Dần (dương cung)</i>

Kiếp sát là sao Hỏa an theo hàng chi của tuổi luôn luôn ở nghịch địa âm dương như:

<i>Tuổi Dần Ngọ Tuất (Dương)</i>	<i>----- thì Kiếp Sát an ở -----</i>	<i>Hợi (Âm)</i>
<i>Tuổi Thân Tý Thìn (Dương)</i>	<i>----- thì Kiếp Sát an ở -----</i>	<i>Tỵ (Âm)</i>
<i>Tuổi Tỵ Dậu Sửu (Âm)</i>	<i>----- thì Kiếp Sát an ở -----</i>	<i>Dần (Dương)</i>
<i>Tuổi Hợi Mão Mùi (Âm)</i>	<i>----- thì Kiếp Sát an ở -----</i>	<i>Thân (Dương)</i>

Biết rằng Lưu Hà là Thủy, Kiếp Sát là Hỏa đều đứng ở nghịch địa âm dương theo Can Chi ấn định có tính cách hung bạo hội lại như 2 lưỡi kéo tử thần thi hành án lệnh sau khi Thiên Không phán quyết cho Là can nhân có thực tội .

Như mục Lục Tồn ở trên đã nói chỉ có bốn tuổi Giáp Ất Canh Tân đứng tam hợp tuổi có Lục Tồn mới được hưởng Lộc Tồn trọn vẹn, còn ngoài ra chỉ là nhất thời và gánh chịu hậu quả bù trừ, còn Lộc Tồn của năm tuổi Mậu, Kỷ, Bính Đinh Nhâm Quý là ở trong trường hợp có Lưu

Hà, Kiếp sát canh gác 6 kho vàng đỏ. Kẻ nào đụng chạm đến mà Thiên Không không ngăn cản được thì Lưu Hà Kiếp, Sát nổ súng. Cũng có một vài trường hợp giảm khinh nhẹ tay cho những tuổi Đinh Hợi Mão Mùi và Quý Tỵ Dậu Sửu.

THIÊN MÃ

Thiên mã ở trong Tử vi là một viên ngọc quý. Viên ngọc quý này chỉ thấy ở trong hoàn cảnh trái nghịch tức là phần tinh anh có sắp đặt cho hạng người bất mãn ở phần đất Tuất-Phá Tang-Môn, Điều-Khách của vòng Thái tuế. Nếu hạng người này không có Mã thì làm sao mà sống ở đời. Phải chăng thánh nhân xưa đã có chí hướng dân chủ (dân vi quý). Phe Thái Tuế, Quan Phủ, Bạch Hổ là phe lãnh đạo, cầm quyền được Long-Phượng, Hổ Cái là cái thể uy nghi tốt đẹp thì phe đối kháng là phe Tuất-Phá, Tang-Môn, Điều-Khách phải để cho họ có Thiên Mã là bộ máy có động lực mạnh để quật lại bên kia. Việc thành bại lại là việc của thời gian. Cái đáng quý của Thiên Mã là ở chỗ đó.

Thiên Mã chỉ ở bốn cung Dần Thân Tỵ Hợi phân phối đều cho 12 địa chi thuận âm dương mà nghịch phái

Tuổi Dần Ngọ Tuất	Thiên Mã ở cung	Thân
Thân Tý Thìn	-----	Dần
Tỵ Dậu Sửu	-----	Hợi
Hợi Mão Mùi	-----	Tỵ

Nhìn vào vị trí của Thiên Mã đóng ta thấy ngay sự trái cựa căn cứ theo địa chi tam hợp của tuổi số mà an Thiên Mã ở trong địa chi tam hợp đối kháng.

Tuy Thiên Mã là hành hỏa nhưng đóng ở bốn cung có bốn hành riêng biệt thì chủ nhân muốn làm chủ thực sự Mã ấy phải là đồng hành với chỗ nó ở, công việc mình làm mới có kết quả tốt đẹp.

Đã gọi là Dịch mã, Mã đóng ở bốn cung phải có đặc dụng đồng đều ở mỗi cung như đã phân chia số tuổi quy định, không lẽ gì Mã ở Hợi lại gọi là Mã cùng đường vô dụng. Nếu vậy thiệt hại cho ba tuổi Tỵ Dậu Sửu có Mã cũng hư không mà còn bị bế tắc là khác.

Vậy Mã ở bốn cung Dần Thân Tỵ Hợi có nghĩa như sau:

1. **Thiên Mã ở Dần:** Chính thức thuộc quyền sử dụng của người mạng Mộc, bạc nhược với người tuổi Kim, vất vả với người mạng thủy, điều linh cho người thổ, làm lợi cho người mạng hỏa.

2. **Thiên Mã ở Tỵ:** Chính thức thuộc quyền sử dụng của người mạng Hỏa, làm lợi cho người mạng Thổ, vất vả cho người mạng Mộc, điều linh cho người tuổi Kim, bạc nhược cho người tuổi Thủy.

3. **Thiên Mã ở Thân:** Chính thức thuộc quyền sử dụng của người mạng Kim, làm lợi cho người tuổi Thủy, vất vả cho người mạng Thổ, điều linh cho mạng Mộc, bạc nhược cho người mạng Hỏa.

4. **Thiên Mã ở Hợi:** Chính thức thuộc quyền sử dụng của người mạng Thổ, Thủy, làm lợi cho người mạng Mộc, vất vả cho người mạng Kim, điều linh cho người mạng Hỏa.

(Còn vài chi tiết đặc biệt ở Dịch Mã tiếp theo ở mục Tuần Triệt)

LỤC SÁT TINH: KHÔNG KIẾP – KINH ĐÀ – LINH HỎA

Lục sát tinh là một lực lượng có đặc tính riêng biệt, nói là đưa đương số bộc phát vinh quang (trường hợp đặc địa) không phải là không có; nhưng nói chung cái lợi không có là bao, mà cái hại rất khó lường nên mới có tên là Sát tinh. Sự thật bộ này phải có bộ chỉ huy cứng rắn, quyết liệt mới đặc dụng. Một là thành công vũ bão, hai là phá tan tận diệt, là bộ 3 Sát Phá Tham.

Không Kiếp – Kinh Đà – Linh Hỏa là 3 quân đoàn riêng biệt, cần phải có cấp bậc chỉ huy chính công trực tiếp riêng của nó mới hiệu nghiệm. Ngoài ra, vớ vẩn lấy chỉ huy quân đoàn này sang điều động quân đoàn kia cần chắc là kết quả không bao nhiêu (dầu lợi hay hại). Vậy phải như thế nào ?

Không Kiếp thành đoàn quân có thành tích dữ nhất, Phá Quân mới cai trị đặc lực. Ví như mệnh có Phá Quân mà đi đến hạn Không Kiếp phải là có chuyện sống chết, hay dở tùy theo từ Bộ tư lệnh đến quân đoàn đặc địa hay hãm địa (ở đây mới là trường hợp họ gặp nhau ở đại vận).

Kinh Đà là quân đoàn có đôi phần nới tay do có bậc thượng tướng nghiêm chỉnh chỉ huy là Thất Sát. Nếu Thất Sát đứng cặp với Thiên Hình thì dũng mãnh hơn.

Linh Hỏa là tôi tới trung thành của cấp chỉ huy tài tử Tham Lang.

Giữa 3 quân đoàn này với cấp chỉ huy thì Phá Quân là ngang tàng liều lĩnh nhất, nên thường thay cho Thất Sát, trường hợp vắng mặt, chỉ huy Kinh Đà vẫn đắc dụng hiệu lực như thường. Trái lại, Tham Lang gặp Không Kiếp, Kinh Đà chẳng ra sao. Và Thất Sát gặp Không Kiếp - Linh Hỏa cũng không hiệu nghiệm cho lắm.

PHÁ TOÁI

Phá Toái là một bàng tinh có ý nghĩa như cái tên của sao đã mang là phá tán tan nát và vị trí đóng cũng rất hạn chế là ba chỗ Ty Dậu Sửu, ít chỗ nhất trong các sao của Tử Vi mà xem ra hành động không phải tầm thường.

Thấy Phá Toái là hành Hỏa đới Kim nên ba vị trí Ty Dậu Sửu đối với nó coi như là thuận lợi cho nhiệm vụ không có gì cản trở (Ty – Hỏa, Dậu – Kim, Sửu – Thổ).

Đó là hao tán tinh, tức là không bao giờ phò trợ, chỉ làm ngang trái tư cách chính diệu hiền hậu (Tử Phủ, Cơ Lương). Trái lại tăng thêm sức mạnh cho bộ tinh đầu hùng dũng là Sát Phá Tham, nhất là Phá Quân là cha ruột. Xét rằng ba vị trí của Phá Quân tại Ty Dậu Sửu đều hãm hết (Vũ Phá ở Ty, Liêm Phá ở Dậu), Tử Phá ở Sửu là đắc địa nhưng có nghĩa tư cách vẫn không đẹp, là thần bất trung, tử bất hiếu, không hơn gì Vũ Phá và Liêm Phá. Như đã có ý là muốn để Phá Toái giúp Phá Quân đắc lực trong cái thế "Toái quân lương Phá", phải để ý đến các trường hợp sau:

- Mệnh có Vũ Phá thì phải là các tuổi Tí Ngọ Mão Dậu (Dậu đẹp nhất).
- Mệnh có Liêm Phá thì phải là các tuổi Dần Thân Ty Hợi (Ty đẹp nhất).
- Mệnh có Tử Phá thì phải là các tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi (Sửu đẹp nhất).

Một khi đã thấy có bộ Sát Phá Tham ở trong tam hợp Ty Dậu Sửu thì phải để ý ngay Phá Toái, tùy tuổi tùy vị trí mà nhận định mức độ hay dở, ít nhất kết quả cũng ở trên các bộ Sát Phá Tham ở mọi chỗ hãm khác.

CÔ THẦN – QUẢ TÚ

Cô Quả là hai tiếng thường dùng để chỉ hạng người cô đơn, khắc nghiệt là do 2 sao Cô Thần - Quả Tú ghép lại.

Sự thật cốt cách của chúng có phải nhất định như thế không ? Nhận xét kỹ vị trí của 2 sao đó, thấy Cô Thần luôn đóng ở 4 cung Dần Thân Ty Hợi, và Quả Tú chỉ ở Thìn Tuất Sửu Mùi luôn luôn ở thế tam hợp với nhau. 8 vị trí này có cả dương lẫn âm, và cũng không tùy thuộc tuổi dương hay tuổi âm để ấn định chỗ đứng cho cả 2 sao. Biết rằng cứ 3 tuổi (địa chi) của số nối liền nhau thì Cô Thần đứng ngay cung chặn đầu và Quả Tú ngồi ngay cung chặn đuôi như 3 tuổi Dần Mão Thìn, Cô Thần ở Ty (đầu) – Quả Tú ở Sửu (đuôi); 3 tuổi Ty Ngọ Mùi, Cô Thần ở Thân (đầu), Quả Tú ở Thìn (đuôi); 6 tuổi kia, cứ 3 tuổi một cũng có Cô Thần Quả Tú chặn đầu đuôi như thế.

Nhìn vào những vị trí của 2 sao này thấy rất thua thiệt nên nó mới thành nghiệp ngã và cô đơn. Không bao giờ Cô Quả đóng trong tam hợp Thái Tuế, mà chỉ ở 3 thế: Thiên Không – Tuế

Phá – Trục Phù làm cho người có số sống như trong trợ trợ và khó khăn bất mãn. Nếu có hưởng Lộc Tồn chỉ là hưởng trong nghịch cảnh, tương không tốt đẹp gì.

Bốn vị trí Dần Thân Tỵ Hợi của riêng của 4 tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi là được cõi mở. Ở đây Cô Thần gặp Thiếu Dương là sáng suốt nhân hậu và là vị trí của Hồng Loan đứng cặp với Thiên Không (sắc sắc không không) là thành địa của những bậc từ thiện bác ái, nhìn cuộc đời bằng mọi cách bao la, sự vật có cũng là không, không vẫn là có.

Trong 4 vị trí Dần Thân Tỵ Hợi của 4 tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi thì 2 vị trí Dần Thân có đủ bộ Cô Thần, Thiếu Dương, Hồng Loan, Thiên Không. Vị trí Hợi có ba là Cô Thần, Thiếu Dương, Thiên Không nhờ thế xung Hồng Loan ở Tỵ (Tỵ Dậu Sửu: Kim) quá bén nhạy nên người có số ở Hợi (Hợi Mão Mùi: Mộc) dễ sáng suốt để trở thành đạo đức. Còn cung Tỵ cũng vậy chỉ có Cô Thần, Thiếu Dương, Thiên Không nhờ thế xung Hồng Loan ở Hợi đưa lên nhưng hơi yếu vì Mộc không ép buộc được Kim và có sao cố định là Phá Toái (ở trong tam hợp Tỵ Dậu Sửu) khiến nhiều khó khăn ngang trái mới thành chánh quả trọng lẽ hiếu sinh.

Vậy chỉ có 4 vị trí này của Cô Thần, Quả Tú của 4 tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi là không khắc nghiệt cô đơn, lại còn là chỗ tiềm tàng sáng suốt, chí công chỉ đạo theo thứ tự như sau:

- 1- Vị trí ở Dần : lòng cởi mở tuyệt thế.
- 2- Vị trí ở Thân : lòng cởi mở đương nhiên
- 3- Vị trí ở Tỵ : lòng cởi mở bén nhạy
- 4- Vị trí ở Hợi : lòng cởi mở phải chịu sự thử thách.

THIÊN KHỐC - THIÊN HƯ

Thiên Khốc là âm kim, Thiên Hư là dương thủy

Khốc Hư là hai bại tinh chỉ có ở bốn chỗ Tý Ngọ Mão Dậu là có tư cách đưa thân thể người có số được hãnh diện với đời. Dem Khốc Hư ra phân tách tại sao chỉ có 4 chỗ Tý Ngọ Mão Dậu được gọi là đắc địa và tại sao gọi là bại tinh.

Vì Khốc Hư bắt đầu từ cung Ngọ mà đi theo chiều thuận, nghịch của âm dương, mỗi sao đi 1 chiều hướng riêng, chỉ có cung Ngọ và Tý là 2 sao đồng cung và khẳng định là ở vị trí Tuế Phá (bất mãn cực độ) vì tuổi Tý Khốc Hư ở Ngọ và tuổi Ngọ Khốc Hư phải ở Tý và các vị trí kia của các tuổi khác cũng vậy luôn luôn đóng ở phía đối kháng nên phải khoác cái áo lấy tên là bại tinh.

Người Khốc Hư Tý Ngọ được hãnh diện, dầu là bất mãn, vì là có Thiên Mã và Điều Khách thường trực trong thế tam hợp để đưa danh tiếng người này lên với đời. Còn thành công đến mức độ nào hay thất bại hoàn toàn là do Thiên Mã có phải là ngựa, nghị lực thực sự của người có số hay không tức là Thiên Mã ở Dần phải của người tuổi Mộc và Thiên Mã ở Thân phải là người tuổi Kim mới đắc cách.

Biết rằng Thiên Khốc là Âm Kim phải đi theo chiều nghịch thì chỉ có người tuổi âm mới là thuận cách vì Thiên Khốc được đứng trong tam hợp tuổi này (vòng Thái Tuế) nhất là hai tuổi Mão Dậu, Thiên Khốc đứng cặp sát nách với Thái Tuế. Hai vị trí này đưa thanh thể của người danh chính ngôn thuận của người có tư cách không hèn, có tài biện thuyết khuất phục được chúng nhân. Còn các Dương cung tức là các tuổi Dương Thiên Khốc đứng ở thế thường xuyên trái nghịch với Thái Tuế, phải nhờ nghị lực của Thiên Mã trợ giúp như hai cung Tý Ngọ, sở dĩ kém Tý Ngọ vì không có Hư đồng cung với Tuế Phá (Lãnh tụ đối lập).

Còn Thiên Hư không bao giờ xa cách Tuế Phá là tư cách của người ôm hận, bất mãn nên trong số bao giờ cũng sắp sếp cho có Thiên Mã để làm việc.

Vậy Khốc – Hư là tư cách của bại tính và chỉ hãnh diện được ở bốn cung Tý Ngọ (lãnh tụ đối lập) và Mão Dậu riêng cho Thiên Khốc được danh chánh mà thôi.

TUẦN - TRIỆT

Tuần Triệt trong tử vi, từ cổ xưa đến nay không thấy sách nào nói đến cái sứ mạng rành mạch của hai sao này làm việc, mà xem ra nó lại có một nhiệm vụ như khá quan trọng trong cách phán quyết của nó, nay tôi chỉ xin trình bày một ít ý kiến gọi là phân tách kinh nghiệm của tìm tòi.

Nhìn vào vị trí của hai sao này đóng ở Thiên Bàn, Triệt theo hàng Can của tuổi ấn định vị trí hai tuổi một chỗ đứng tức là có 5 vị trí cho 10 Can.

	TRIỆT	
TRIỆT		TRIỆT
TRIỆT		
	TRIỆT	

Tuổi	Giáp Kỷ	Triệt ở	Thân Dậu
-	Ất Canh		Ngọ Mùi
-	Bính Tân		Thìn, Ty
-	Đinh Nhâm		Dần Mão
-	Mậu Quý		Tý Sửu

Chỉ còn sót lại 2 cung Tuất Hợi là không có Triệt.

Thấy rằng như Triệt ở Thân Dậu nghĩa là phân chia ranh giới giữa hai cung Dương và Âm của hai tuổi Giáp (Dương) và Kỷ (Âm) thì ảnh hưởng tất nghiêng về tuổi dương số Giáp (Dương) hay Kỷ (Âm) để khép kín lại có nghĩa là chặn đứng theo chiều thuận hay nghịch, cắt ngang mọi liên lạc nên mới có nghĩa là Triệt Lộ và cũng vì thế tam phương xung sát hạnh nhất Triệt nhi khả bằng (Tất cả hung dữ chiếu lại đều được bình an) vì Triệt đã khép kín cửa, quân trộm cắp chỉ còn nước đứng ở ngoài đường. Phần ở trong có những gì phải thu dọn xáo trộn, cảnh trí là cảnh nhà gặp lúc biến bị phong tỏa (Triệt) vì một lẽ gì tịch biên hay tẩy uế thiếu vệ sinh.

Còn Tuần chiếm nhiệm cả 5 vị trí như của Triệt và thêm một vị trí giữa Tuất Hợi nghĩa là 6 vị trí đều nhau. Mỗi vị trí đều đứng cuối một con giáp trên và là đầu một con giáp dưới. Như tuổi Giáp Ngọ thì Tuần đóng ở Thìn Tỵ tức là sau Giáp Ngọ và là đầu Giáp Thìn, có nghĩa là cây cầu bắc nối hai con giáp để luân chuyển thời gian bất tuyệt. Vậy Tuần chỉ là cái gạch nối 2 quãng thời gian hai con Giáp (Tuần Không) như một cái xe đang chạy ngon trơn lúc gặp cây cầu bắc nối hai bờ sông, tất nhiên xe phải siết thắng bớt tốc độ để lên cầu qua sông.

Xin định nghĩa Triệt là Triệt Lộ không vong là phong tỏa khép kín cắt đứt liên lạc, là cái thắng trước của xe.

Còn Tuần là Tuần trung không vong là cây cầu nối tiếp giữa hai đoạn là kim hãm bớt từ từ, lâu dài, cầm chừng là cái thắng sau của xe.

Hai cái đó đều có nghĩa là không. Cái “không” của Triệt là tan nát biến thể thành không. Cái không của Tuần là trung gian kiềm chế không cho phép quá trơn cũng là không.

Một vài trường hợp của Tuần Triệt như đóng ở Mệnh làm thí điểm, điều chính yếu là phải phân biệt âm dương để biết mức độ ảnh hưởng nặng nhẹ. Dương nhân theo chiều thuận là đến cung Dương dừng ngay Triệt. Người Âm theo chiều nghịch là đến cung Âm bị Triệt chặn ngang, thì ảnh hưởng đương đầu phải là nặng quá bán (70%). Trường hợp vận hành cũng vậy, cung trước là đường giao thông đi tới đèn đỏ trước mặt, cung sau là quãng đường đã vượt qua đèn.

Mệnh bị Triệt đời phải chịu nhiều khó khăn lúc niên thiếu, bị Tuần thì luôn luôn bị trục trặc kim hãm lúc bắt tay thực hiện công việc. Nếu bị cả Tuần lẫn Triệt thì đời bị vùi xuống đất đen, không phải là Tuần Triệt phá nhau để cho đương số được thông thả.

Trường hợp Tuần – Triệt phá nhau như sau:

- a) Mệnh có một Triệt hay một Tuần khi gặp đại vận gặp Tuần hay Triệt là đương nhiên người được thỏa mãn, chỗ này cái nọ tháo gỡ cái kia.
- b) Thân bị một Triệt nếu gặp Tuần sớm quá không tháo nổi, phải đến vận ngoài 30 tuổi trở đi mới thành công.
- c) Mệnh, Thân bị cả Tuần lẫn Triệt tức là không còn gì để tháo gỡ, ngay khi đến đại vận tam hợp tuổi, ảnh hưởng tốt đẹp cũng chỉ thỏa mãn 50% là tối đa.
- d) Ba trường hợp trên người Dương đóng cung Dương, người Âm đóng cung Âm bị Triệt hay Tuần đương đầu.
- e) Người Dương đóng cung Âm, người Âm đóng cung Dương có Triệt hay Tuần khi đại vận gặp Tuần hay Triệt (nghĩa là bị Triệt gặp Tuần, bị Tuần gặp lại Triệt) thời vận tốt mở làm hai lần chậm chậm ở hai cung đại vận gặp Tuần hay Triệt ở giữa.

Trường hợp Thiên Mã đóng ở 4 cung Dần Thân Tỵ Hợi như ở mục Thiên Mã đã nói:

Mã ở Dần phải là người tuổi Mộc mới làm chủ và sử dụng nó thành công. Mã ở Tỵ cho người Hỏa mệnh, Mã ở Thân của người Kim mạng, Mã ở Hợi cho người Thủy, Thổ mạng. Bốn con Mã này bị Triệt là con Mã què, ngựa ăn hại, nếu gặp Tuần lại có trường hợp đặc dụng.

Biết rằng Tuần là cây cầu bắc nối 2 giai đoạn đường đời, 2 vị trí :

- a) *Thì Thiên Mã ở Dần bị Tuần lại là Ngựa chiến của người Hỏa Mệnh.*
- b) *Thì Thiên Mã ở Tỵ bị Tuần lại là Ngựa bạch của người Kim Mệnh.*
- c) *Thì Thiên Mã ở Thân bị Tuần lại là Ngựa ô của người Thủy, Thổ Mệnh.*
- d) *Thì Thiên Mã ở Hợi bị Tuần lại là Ngựa ăn no của người Mộc Mệnh.*

Tuy nhiên trước khi Mã đặc dụng, phải chùng một bước mới nhảy thành công.

TƯ THỂ CỦA TỪNG NHÓM TINH ĐẦU

Ở phần phân tách luận đoán, việc đầu tiên đem Tử vi chia thành Lương nghi, Lương nghi phân ra tứ tượng, rồi tuần tự ra bát quái v.v.. thì thấy đâu nào là phe phái và sự phản ứng khi chúng gặp nhau. Cũng như một gia đình có nội ngoại, con cháu sau này ngày một sanh sản ra xa lẫn nhau, sự phân biệt vẫn là nội hay ngoại khiến sự sinh khắc chế hóa nặng hay nhẹ là cùng phe hay khác phái.

Tử Phủ Vũ Tướng, Sát Phá Liêm Tham là một trong lương nghi khi chuyển vận gặp nhau vẫn ít thay đổi, dễ dàng hơn là gặp Cơ Nguyệt Đồng Lương, Cự Nhật.

Trái lại Cơ Nguyệt Đồng Lương vận hành đụng nhằm Sát Phá Liêm Tham tất nhiên phải có sự đụng chạm nặng vì là 2 thể cờ đặc biệt khác nhau như nước với lửa, phần thiệt hại vẫn là phần của kẻ yếu.

Tư thể của Tứ tượng muốn được hoàn mỹ cũng như triều đại nào phải có tối thiểu bảy tôi chân tay đắc lực của họ mới thành công:

- a) Bộ Tử - Phủ - Vũ - Tướng : Cần nhất Tả - Hữu, Thai – Tọa .
- b) Bộ Sát – Phá – Liêm – Tham : Cần nhất là Lục Sát – Tinh, Thai – Cáo
- c) Cơ – Nguyệt - Đồng – Lương : Cần nhất là Xương – Khúc, Khôi – Việt
- d) Cự - Nhật : Cần nhất là Hồng – Đào , Quang – Quý
- e) Riêng bộ Nhật – Nguyệt, nếu có lạc hãm, ngoài bộ Hồng – Đào – Hi, ít nhất phải đứng cặp với một trong ba bộ hợp cách với nó là : Xương – Khúc, Long – Phụng, Quang – Quý cũng kể như là người có tư cách, dầu có ở hoàn cảnh nghèo túng cũng không hèn .

Bộ Khoa Quyền Lộc cho những cách trên như gắm thù hoa là tư thế của người gặp vận hội tốt .

Bộ Long - Phụng - Hồ - Cái là nhân phẩm của cá nhân chính phái.

Còn cái chân giá trị thực sự tương xứng với địa vị và lòng ngưỡng mộ trọng đãi được thể nhân cảm phục là ở 3 bộ:

Nhật - Nguyệt : Thông minh sáng suốt

Tả Hữu : Tài năng quán xuyên

Thiên Mã : Nghị lực cần mẫn

Số Không - Minh quân sư nhà hậu Hán đắc bộ 3 này. Theo thiên kiến bộ 3 này là 3 viên ngọc quý của Tử -Vi, chứng minh đương số là người có thực lực, chỉ cần có 1 trong 3 bộ này cũng đủ hơn cái bả vinh hoa (Khoa Quyền Lộc) về phần thực sự giá trị.

THIÊN HÌNH và HÓA KỶ: Ngoài bộ Lục Sát - Tinh và Lưu Hà, Kiếp Sát, hung tinh đáng kể là Thiên Hình (Kim) và Hóa Kỵ (Thủy):

Người tuổi Giáp Ất hay mạng Mộc khi gặp Thiên Hình phải coi chừng né tránh, ngay cả Thiên Tướng cũng bị Thiên Hình khuất phục.

Người Tuổi Bính Đinh hay mạng Hỏa gặp Hóa Kỵ cũng vậy.

Sức đàn áp của hai sao này đốt với 2 hạng người kể trên bị khắc chế quá mạnh như mèo gặp chuột, dầu có no mỗi cũng dấn vài quyền cước chơi. Trường hợp giảm khinh là số đến vận tốt và Hình đắc địa (Dần Mão Dậu Tuất), Hóa Kỵ (Thìn Tuất Sửu Mùi) như có ý rộng lượng với kẻ dưới tay.

Người Hình Riêu Không Kiếp (hãm) là hạng người dễ bị lây vạ, là oan nghiệp níu kéo, trong những vụ tai nạn chung, những người này phải là tiên phong chịu trận. Còn Liêm Tham Tỵ Hợi gặp Hóa Kỵ được giảm sự lo ngại những tai nạn xảy đến là cái thế thăng bằng chỉ có 2 tuổi Kim và Hỏa mới được giảm khinh ở đây không phải cho hết các tuổi đủ mọi hành .

MỆNH VÔ CHÍNH DIỆU

Mục này tôi kính dâng hương hồn cụ Ba La, bậc tiền bối đã khuyến khích tôi muốn học Tử Vi phải suy luận tìm tòi và hé mở cho tôi ít ánh sáng về cảnh phân biệt Mệnh Vô Chính Diệu như tôi đã có hỏi cụ trong bài tôi viết về cụ “Ông Vua Tử Vi Bất Đắc Chí” trong Khoa Học Huyền Bí số ra ngày 18-2 -73.

Cái gì của cụ phải song phẳng trả về cụ dầu ít dầu nhiều cũng là cái gia tài tinh thần riêng của cụ . Vậy xin có mấy hàng chữ kính hoàn.

Thật tình mà nói, trong Tử Vi khó nhất là Mệnh Vô Chính Diệu, rất khó phân tách với vài câu: *Phi bản tắc yếu, mệnh đắc Tam không nhi phú quý khả kỳ*, cứ tưởng thấy mình có Tuần, Triệt, Thiên, Địa Không là đắc cách rồi, ai ngờ là một cái hồ rất lớn.

1. Mệnh Vô Chính Diệu là mệnh vắng bóng chính tinh như cái nhà mượn nóc dựa ghé vào nhà người lợp mái trên đẽ ở, nếu không có cây xà, những đòn tay cứng đóng chắc làm sao chống chọi được với mưa tuôn gió bão. Điều kiện trước nhất là phải có sát tinh hợp hành của mệnh đắc địa làm nòng cốt thủ mệnh mà không bị Tuần Triệt xâm phạm tức là cách hung tinh độc thủ như trường hợp vua Lê Thái Tổ anh hùng cứu quốc, tuổi Ất Sửu KIM mệnh đóng ở Dậu (kim cung tam hợp Thái Tuế) được Bạch Hổ khiêu tây phương cách (kim đắc địa).
2. Thứ đến là cách Nhật Nguyệt tịnh minh (Thái Dương ở Mão, Thái Âm ở Hợi) đồng chiếu lên mệnh ở Mùi có Hóa Kỵ đắc Tuần là tinh anh của Nhật - Nguyệt được Tuần câu hút với mây lất phất óng ánh ở nền trời hư không.
3. Phải là Hỏa - mệnh, có một Không đắc địa thủ, hai Không tam - hợp không có trung tinh đắc cách mới là trùng cách đắc Tam Không
4. Mệnh có một Không thủ, hai Không tam hợp mà có hung tinh hay trung tinh đắc cách là cách Kiến Tam Không (đời chi là hình thức, không có miếng gì).
5. Mệnh có sát tinh khắc mệnh, hai Không tam hợp chiếu là cách Ngộ Không (yếu tử).
6. Mệnh không có sát tinh đắc địa tọa thủ, lại bị sát tinh khắc mệnh thủ, hợp chiếu lại xung sát phải có Triệt ngay mệnh mới mong giải thoát.
7. Mệnh có sát tinh đắc cách thủ, lại bị sát tinh khắc mệnh thủ, hợp chiếu lại có trung tinh đắc cách, nếu mệnh có Tuần kể như hão huyền.
8. Mệnh không có sát tinh đắc cách, không có Không, trông cậy vào hợp chiếu có trung tinh đắc cách không bị phá hư (nghĩa là không có Tuần Triệt).

Tóm lại: chỉ có người Hỏa mệnh mới đắc Tam Không (trường hợp 3) và người Kim mệnh được sát tinh đắc cách đắc địa độc thủ được hưởng vô chính diệu trường hợp đặc biệt. Còn trường hợp được Nhật (Mão) Nguyệt (Hợi) đồng chiếu lên Mùi cho tất cả mọi người .

ĐỊNH DANH VỊ TRÍ CỦA TINH Đẩu

Tử Vi: uy nghi, đức độ chủ quyền lộc, Phúc Đức (*Nam Bắc đẩu, Dương Thố*)

- | | |
|------------------------------|---------------------|
| - Miếu địa : Tý Ngọ Dần Thân | - Bình Hòa: Mão Dậu |
| - Vượng địa: Thìn Tuất | - Hãm địa: không |
| - Đắc địa : Sửu Mùi Hợi Tí | |

Thiên Phủ: Chủ tài lộc, trung hậu hiền lành (*Nam bắc đẩu, Âm Thố*)

- | | |
|------------------------------|-------------------------|
| - Miếu địa : Dần Thân Tý Ngọ | - Bình Hòa: Sửu Mão Dậu |
| - Vượng địa: Thìn Tuất | - Hãm địa: không |
| - Đắc địa : Mùi Tí Hợi | |

Vũ Khúc: chủ tài lộc (*Bắc Đẩu – Âm Kim*)

- | | |
|--------------------------------|---------------------|
| - Miếu địa : Thìn Tuất Sửu Mùi | - Đắc địa : Mão Dậu |
|--------------------------------|---------------------|

- Vượng địa: Dần Thân Tí Ngọ

- Hãm địa : Tỵ Hợi

Thiên Tướng: Quyền tinh uy dũng (*Nam Đẩu – Dương Thủy*)

- Miếu địa : Dần Thân

- Đắc địa: Sửu Mùi Tỵ Hợi

- Vượng địa: Tỵ Ngọ Thìn Tuất

- Hãm địa: Mão Dậu

Thất Sát: Quyền tinh, uy dũng (*Nam Đẩu – Dương Kim*)

- Miếu địa : Dần Thân Tí Ngọ

- Đắc địa: Sửu Mùi

- Vượng địa: Tỵ Hợi

- Hãm địa: Mão Dậu Thìn Tuất

Phá Quân: Dũng mãnh, hao tán (*Bắc Đẩu – Âm Thủy*)

- Miếu địa: Tí Ngọ

- Đắc địa: Thìn Tuất

- Vượng địa: Sửu Mùi

- Hãm địa: Dần Thân Tỵ Hợi Mão Dậu

Liêm Trinh: Chủ quan lộc, Tù tinh (*Bắc Đẩu – Âm Hỏa*)

- Miếu địa : Dần Thân

- Đắc địa: Sửu Mùi

- Vượng địa: Thìn Tuất Tí Ngọ

- Hãm địa: Tỵ Hợi Mão Dậu

Tham Lang: Chủ họa phúc, Hung bạo (*Bắc Đẩu – Âm Mộc đới Thủy*)

- Miếu địa: Sửu Mùi

- Đắc địa: Dần Thân

- Vượng địa: Thìn Tuất

- Hãm địa: Tỵ Hợi Tí Ngọ Mão Dậu

Thiên Cơ: Chủ huynh đệ, Mưu cơ, Phúc thọ (*Nam Đẩu – Âm Mộc*)

- Miếu địa : Thìn Tuất Mão Dậu

- Đắc địa: Ngọ Tí Sửu

- Vượng địa: Tỵ Thân Mùi

- Hãm địa: Dần Hợi

Thái Âm: Chủ điền tài (*Bắc Đẩu – Âm Thủy*)

- Miếu địa : Hợi Tí

- Đắc địa: Sửu Mùi

- Vượng địa: Dậu Tuất Thân

- Hãm địa: Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ

Thiên Đồng: Chủ phúc thọ (*Nam Đẩu – Dương Thủy*)

- Miếu địa : Dần Thân

- Đắc địa: Mão Tỵ Hợi

- Vượng địa: Tí

- Hãm địa: Ngọ Dậu Thìn Tuất Sửu Mùi

Thiên Lương: Chủ phúc thọ, phụ mẫu (*Nam Đẩu – Dương Mộc*)

- Miếu địa : Ngọ Thìn Tuất

- Đắc địa: Sửu Mùi

- Vượng địa: Tí Mão Dần Thân

- Hãm địa: Tỵ Hợi Dậu

Cự Môn: Chủ điền, thị phi (*Bắc Đẩu – Âm Thủy*)

- Miếu địa : Mão Dậu

- Đắc địa: Thân Hợi

- Vượng địa: Tỵ Ngọ Dần

- Hãm địa: Tỵ Thìn Tuất Sửu Mùi

Thái Dương: Chủ quan lộc (*Nam Đẩu – Dương Hỏa*)

- Miếu địa : Thìn Ngọ

- Đắc địa: Sửu Mùi

- Vượng địa: Dần Mão Tỵ

- Hãm địa: Thân Dậu Tuất Hợi Tỵ

Địa Không, Địa Kiếp : *Hỏa, đắc địa ở Dần Thân Tỵ Hợi*

Kình Dương : *Kim đới Hỏa, đắc địa ở Thìn Tuất Sửu Mùi*

Đà La : *Kim đới Hỏa, đắc địa ở Dần Thân Tỵ Hợi*

Linh Tinh : *Hỏa đới Kim đắc địa ở Dần Mão Tỵ Ngọ*

Linh Tinh : *Hỏa Thìn Tuất Sửu Mùi*

Song Hào : *đắc địa Dần Thân Mão Dậu*

NGŨ HÀNH TRUNG TINH

Tả Phù : *Dương Thổ* đời Kim
 Hữu Bật : *Dương Thổ* đời Thủy
 Văn Xương : *Dương Kim* đời Thổ
 Văn Khúc : *Âm Thủy* đời Hỏa
 Thiên Khôi : *Dương Hỏa* đời Kim
 Thiên Việt : *Dương Hỏa* đời Mộc
 Long Trì : *Thủy*
 Phượng Các : *Mộc*
 Ân Quang : *Mộc*
 Thiên Quý : *Thổ*

Hóa Khoa : *Thủy*
 Hóa Quyền : *Mộc*
 Hóa Lộc : *Mộc* đời Thổ
 Đào Hoa : *Mộc*
 Hồng Loan : *Thủy*
 Tam Thai, Bát Tọa : *Thổ*
 Thai Phụ : *Thổ* đời Kim
 Phong Cáo : *Thổ* đời Thủy

BẢNG KÊ HẠN HÀNH CHUYỂN ĐẾN CUNG NHẬP HẠN

Như người tuổi Dần Ngọ Tuất chuyển đến cung:

- Hợi Mão Mùi được sinh nhập
- Thân Tý Thìn bị khắc nhập
- Tỵ Dậu Sửu khắc xuất mà sa lầy

Còn 3 tam hợp tuổi kia cũng vậy, cứ lấy hành của tam hợp tuổi mà sinh khắc với 3 tam hợp cung còn lại mỗi khi chuyển vận hạn.

HẠN TAM TAI

TUỔI	NĂM HẠN	
Thân Tý Thìn	đến Dần Mão Thìn	là 3 năm tam tai.
Dần Ngọ Tuất	đến Thân Dậu Tuất	là 3 năm tam tai.
Hợi Mão Mùi	đến Tỵ Ngọ Mùi	là 3 năm tam tai.
Tỵ Dậu Sửu	đến Hợi Tý Sửu	là 3 năm tam tai.

NĂM HẠN VÀ NĂM XUNG

TUỔI	HẠN	XUNG
Tý	Dần Thân	Ngọ
Sửu	Sửu Ngọ	
Dần	Tỵ Hợi	Thân
Mão	Tỵ Hợi	Dậu
Thìn		Tuất
Tỵ		Hợi
Ngọ	Sửu Ngọ	
Mùi	Dậu Hợi	
Thân	Ngọ	Dần
Dậu		Mão
Tuất	Tỵ	Thìn
Hợi		Tỵ

PHẦN III

CÁCH TÍNH PHẠM GIỜ KIM SÀ

Trẻ mới sanh nên tính xem có khó nuôi hay dễ nuôi là cách tính giờ Kim sà và giờ Quan sát.

Kim - Sà thì bắt đầu từ cung Tuất kể là năm Tí đếm theo chiều thuận mỗi cung một năm đến năm sinh ngừng lại. Lại bắt đầu từ cung đó tính nghịch mỗi cung là một tháng tới tháng sinh ngừng lại. Lại bắt đầu từ cung đó tính thuận mỗi cung là một ngày tới ngày sinh ngừng lại. Lại bắt đầu từ cung đó tính nghịch đi mỗi cung là một giờ tới giờ. Khi tới giờ sinh thấy đúng cung THÌN TUẤT là phạm giờ cho con trai, nếu cung SỬU MÙI là con gái phạm giờ. Ngoài ra không đúng 4 cung THÌN TUẤT SỬU MÙI kể như là dễ nuôi.

GIỜ QUAN SÁT XEM BẢNG SAU ĐÂY:

THÁNG SINH	GIỜ SINH
1	Ty là giờ QUAN SÁT khó nuôi
2	Ngọ -----
3	Mùi -----
4	Thân -----
5	Dậu -----
6	Tuất -----
7	Hợi -----
8	Tí -----
9	Sửu -----
10	Dần -----
11	Mão -----
12	Thìn -----

CÁCH TÍNH XEM NĂM TUỔI BỊ KIM LÂU KHÔNG NÊN LÀM NHÀ:

8	17	26	34	9	18	27	36	1	10	19	28
43	TỐN		52	44	LY		53	37	KHÔN		46
								54			
7	16	24	33	5	15	25	35	2	11	20	29
42	CHẤN		51	45	TRUNG		55	38	ĐOÀI		47
60								56			
6	14	23	32	4	13	22	31	3	12	21	30
41	CẤN		50	40	KHẨM		49	39	CÀN		48
59				58				57			

Xem tuổi nào phạm vào cung **CÀN KHÔN CẤN TỐN** là phạm giờ Kim - Lâu không nên làm nhà năm đó.

NHỮNG LÁ SỐ DANH NHÂN & CỔ NHÂN

PHẬT THÍCH CA *Một vị đại hùng đại lực đại bi*

- Thừa Tiên sinh, sau một thời gian theo dõi đọc Khoa Học Huyền Bí nhất là số J1 ngày 15 -10 -1973 vừa rồi, tôi đánh bạo đến đây cầu mong tiên sinh chỉ bảo cho biết thêm về Tử vi.